

ĐỔI MỚI CÓ CHỖ ĐỂ TĂNG TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN TRONG HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

6 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

PTS. VŨ CÔNG TUẤN

Trong công cuộc đổi mới ở nước ta thời gian qua, các kết quả đạt được về hợp tác đầu tư với nước ngoài là một biểu tượng đáng chú ý của đường lối kinh tế mở ở VN.

I. NHỮNG THÀNH QUẢ ĐÁNG KHÍCH LỆ

Kể từ khi Luật đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở VN được ban hành ngày 29.12.1987, trong khoảng thời gian hơn 7 năm từ 1988 đến 1994, các kết quả đạt được là rõ ràng.

1. Về vốn đầu tư

Tổng số giấy phép đầu tư được cấp trong cả nước, giai đoạn 1988 - 1994 là: 1.200; với tổng số vốn đăng ký: 11.964.543.000 USD.

Riêng năm 1994, đã cấp giấy phép cho 362 dự án, với tổng vốn đăng ký 3.743 triệu USD. Nếu tính thêm số vốn đầu tư bổ sung trong năm là 515 triệu USD của 72 dự án đang hoạt động và trừ đi số vốn đầu tư 187 triệu USD của 54 dự án đã rút giấy phép; thì trong năm 1994 đạt số vốn được cấp giấy phép là 4.071,0 triệu USD; tăng 46,6% so với năm 1993, đạt mức tăng trưởng liên tục trong các năm như sau: 366 triệu USD (1988); 539 (1989); 596 (1990) 1.288 (1991), 1.938 (1992); 2.777 (1993) và 4.071 (1994).

2. Về quy mô đầu tư

Trong năm 1994, vốn đầu tư trung bình cho một dự án được cấp giấy phép là 10,3 triệu USD; cao hơn các năm trước.

Nhiều dự án có vốn đầu tư lớn như: xí nghiệp liên doanh cán thép 20 vạn tấn/năm ở Hải Phòng và xí nghiệp liên doanh cán thép 24 vạn tấn/năm ở Bà Rịa - Vũng Tàu cùng có số vốn đầu tư là 102 triệu USD; hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí ở mỏ Thanh Long với công ty Mobil (Mỹ) có vốn đầu tư 171 triệu USD; dự án sản xuất xi măng 1.4 triệu tấn/năm ở Trảng Kênh, Hải

Phòng có vốn đầu tư 223,8 triệu USD...

3. Về cơ cấu đầu tư

Cơ cấu đầu tư ngày càng hợp lý, góp phần đáng kể vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ 1988 đến 1994, 40% tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp; trong đó hơn 60% là các dự án đầu tư chiều sâu; với tổng số dự án công nghiệp là 547, có tổng số vốn đầu tư là 6,4 tỷ USD. Riêng năm 1994, có 215 dự án công nghiệp được cấp giấy phép, với tổng vốn đầu tư là 1.608,3 triệu USD.

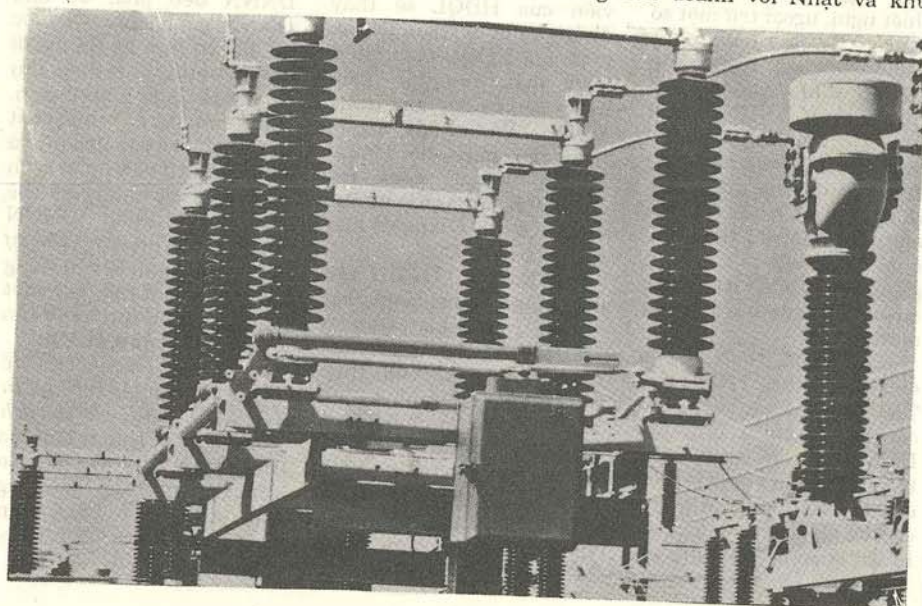
4. Về hình thức đầu tư

Có đến 64,6% tổng số dự án (giai đoạn 1988 - 1994) là hình thức xí nghiệp liên doanh, chiếm 65,3% tổng số vốn đầu tư; 27,1% tổng số dự án là xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, chiếm 17,8% tổng số vốn đầu tư; còn lại 8,3% tổng số dự án là hợp tác gia công, chiếm 16,9% tổng số vốn đầu tư.

5. Về phát triển các vùng lãnh thổ

Đã có 48 tỉnh, thành phố trong số 53 tỉnh, thành của cả nước có dự án đầu tư nước ngoài; còn lại 5 tỉnh chưa có dự án nào là: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lai Châu và Kon-tum.

Có 11 tỉnh, thành phố đạt số vốn đầu tư nước ngoài trên trăm triệu USD, xếp theo thứ tự, dẫn đầu là TP. HCM có 385 dự án với tổng vốn đầu tư 3.336,5 triệu USD, Thủ đô Hà Nội có 172 dự án với tổng vốn đầu tư 2.364,7 triệu USD, Đồng Nai có 101 dự án với tổng vốn đầu tư 975,1 triệu USD, theo sau là Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sông Bé, Kiên Giang, Quảng Nam - Đà Nẵng, Hà Tây, Lâm Đồng và Quảng Ninh. Trong năm 1994 đã cấp giấy phép cho hai khu công nghiệp tập trung đầu tiên là: khu công nghiệp Hải Phòng liên doanh với Nhật và khu



công nghiệp Long Bình (Đồng Nai) liên doanh với Nhật và Thái Lan.

Trong giai đoạn 1988 - 1990, tổng số vốn đầu tư phân bố ở khu vực phía Bắc chiếm 30%; sang giai đoạn 1991 - 1994, có sự dịch chuyển tăng lên 40%.

6. Tạo ra việc làm và thu nhập cho người lao động

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 65 ngàn người. Nếu kể thêm 100 ngàn người làm công tác xây dựng dự án; thì tổng số việc làm được tạo ra cho 165 ngàn lao động. Thu nhập tối thiểu của một lao động đơn giản do nhà nước quy định là 35 USD/tháng; song nhiều doanh nghiệp đã đạt mức trung bình 85 - 100USD/lao động - tháng.

7. Có hiệu quả xuất khẩu

Riêng tính cho năm 1994, giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 300 triệu USD; chiếm 3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, bằng 20% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của cả nước; tăng 77,5% so với năm 1993, đạt 169 triệu USD.

8. Đóng góp cho ngân sách nhà nước

Trong năm 1994, khoản nộp ngân sách của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 128 triệu USD (không kể hoa hồng chủ ký đầu khí và thuế xuất nhập khẩu); tăng 6,7% so với 1993 là 120 triệu USD.

9. Mở rộng quan hệ đối ngoại

Sau hơn 7 năm thực hiện Luật đầu tư nước ngoài ở VN, đến nay đã có 700 công ty của trên 50 nước và vùng lãnh thổ có quan hệ đầu tư với VN; trong đó có 16 nước có vốn đầu tư trên 100 triệu USD, được xếp theo thứ tự như sau: 1. Đài Loan; 2. Hồng Kông; 3. Singapo; 4. Hàn Quốc; 5. Nhật; 6. Úc; 7. Malaysia; 8. Pháp; 9. Thụy Sĩ; 10. Anh; 11. Hà Lan; 12. Thái Lan; 13. Mỹ; 14. Indonesia; 15. CHLB Nga và 16. CHLB Đức.

Sau khi bãi bỏ cấm vận, trong hơn một năm có quan hệ kinh tế Việt - Mỹ, đã có 28 dự án với tổng vốn đầu tư 270 triệu USD của các công ty Mỹ được cấp giấy phép đưa Mỹ xếp thứ 6 trong năm 1994 trong số các nước có vốn đầu tư lớn nhất vào VN; nếu kể từ 1990 đến nay - xếp thứ 13.

Bên cạnh các thành quả đạt được, còn một số mặt trái và tồn tại cần khắc phục trong hợp tác đầu tư với nước ngoài. Triển khai thực hiện Nghị quyết 8 của Hội nghị BCH TƯ Đảng Cộng Sản Việt Nam, lần thứ 8, khóa 7 về "Cải cách thủ tục hành chính" công tác hợp tác đầu tư với nước ngoài đã và sẽ tiếp tục đổi mới theo những nội dung

dưới đây:

II. ĐỔI MỚI CƠ CHẾ ĐỂ TĂNG TỐC PHÁT TRIỂN

Nhằm đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2000: đưa tổng sản phẩm trong nước (GDP) lên 2 - 2,5 lần so với năm 1990; đòi hỏi có tổng vốn đầu tư phát triển khoảng 48 - 50 tỷ USD; trong đó cần thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài là 20 tỷ USD; nhà nước đã và sẽ triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu để đẩy mạnh một bước công tác hợp tác đầu tư với nước ngoài.

Chuẩn bị cho năm 1995, ngày 28.12.1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định 191/CP và "Quy chế hình thành, thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài" với 4 chương và 21 điều khoản, có hiệu lực từ ngày 1.1.1995. Quy chế trên là một biểu tượng cụ thể về quyết tâm của chính phủ VN nhằm cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong hình thành, thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài; đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải đề ra các hướng dẫn cụ thể cho từng bước công việc với yêu cầu và thời gian xác định. Tinh thần chủ đạo của quy chế mới nói trên là các cơ quan nhà nước có liên quan đến công tác hợp tác đầu tư với nước ngoài phải thực hiện đúng ba chức năng dưới đây:

1. Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật, các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền.

2. Quy định các thủ tục hành chính cụ thể, rõ ràng; giảm đến mức tối đa thủ tục xin và cho phép đối với từng công việc cụ thể.

3. Thanh tra và kiểm tra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc chấp hành pháp luật của nhà nước, các quy chế, quy định và xử

lý các vi phạm thuộc thẩm quyền.

- Để giảm thiểu thời gian làm thủ tục, các bộ có liên quan sẽ có những quy định cụ thể về nhiều công việc trước đây phải "xin phép" sắp tới chỉ cần "đăng ký".

- Chỉ có 2 cấp có thẩm quyền để cấp giấy phép đầu tư với nước ngoài là cấp chính phủ đối với dự án loại A và cấp ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (SCCI) đối với các dự án loại B.

- Tiếp tục thực hiện chỉ thị của chính phủ về cải cách thủ tục hành chính trong hợp tác đầu tư với nước ngoài; ngày 8.2.1995 Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư đã ban hành Thông tư số 215 UB/LTX về "Hướng dẫn hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở VN"; gồm 6 phần, 14 vấn đề hướng dẫn và 8 phụ lục kèm theo. Thông tư này đã hệ thống hóa một cách tinh giản và logic cho 19 thông tư và công văn cần thực hiện trước đó; là một văn bản pháp quy quan trọng có tính đột phá trong chương trình cải cách thủ tục hành chính về hoạt động đầu tư nước ngoài ở VN.

- Trước đó, bằng Thông tư số 2427/UB - TP, ban hành ngày 24.11.1994 của Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư về "Hướng dẫn những chỉ số chủ yếu của các dự án đầu tư nước ngoài của ngành may mặc, giày dép và xây dựng khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê", hy vọng rằng, việc thẩm định để cấp giấy phép đầu tư sẽ được thực hiện nhanh chóng hơn, trong thời hạn ngắn nhất.

Đổi mới cơ chế trong hợp tác đầu tư với nước ngoài là một công việc lâu dài và phức tạp. Song, với quyết tâm của nhà nước VN về cải cách bộ máy hành chính trong thời gian tới, những tồn tại, trở ngại sẽ được khắc phục, cải thiện ngày một tốt hơn môi trường đầu tư ở VN. ♣

